ボランティア日本語教室で日本語を学ぼう

Hãy học tiếng Nhật tại lớp học tiếng Nhật tình nguyện.

日本では、行政や地域が主催する無料または低料金の日本語教室がたくさんあります。こうした教室では、ボランティアかそれに近い立場の日本人の先生が日本語を教えてくれます。

Ở Nhật Bản, có rất nhiều lớp học tiếng Nhật miễn phí hoặc phí thấp do chính quyền hoặc khu vực địa phương tổ chức.

ボランティア日本語教室の探し方　Cách tìm lớp học tiếng Nhật tình nguyện.

このような日本語教室は、都道府県庁や市役所の中で国際交流を担当しているセクション▽地域の国際化協会▽市区町村の国際交流協会―で紹介してもらえます。自分で問い合わせるのがむずかしい場合は、組合の担当者にお願いして調べてもらいましょう。

Những lớp học tiếng Nhật như thế này có thể được giới thiệu tại các phòng phụ trách giao lưu quốc tế ở văn phòng tỉnh / thành phố, hiệp hội quốc tế hóa địa phương, hoặc hiệp hội giao lưu quốc tế của các quận/huyện / thị trấn.

■さがし方①　■Cách tìm ①

・各都道府県庁や市役所で外国人支援や国際交流を担当しているセクションにきく。

・Hỏi các phòng phụ trách hỗ trợ người nước ngoài hoặc giao lưu quốc tế tại văn phòng tỉnh / thành phố.

■さがし方②　■Cách tìm ②

・地域の国際化協会や市区町村の国際交流協会にきく（HP も見る）。

※全国の国際化協会や国際交流協会のリスト（日本語）：A

・Hỏi hiệp hội quốc tế hóa địa phương hoặc hiệp hội giao lưu quốc tế của quận/huyện/thị trấn (cũng có thể xem trang web).

※Danh sách toàn quốc các hiệp hội quốc tế hóa và hiệp hội giao lưu quốc tế (bằng tiếng Nhật): A

■さがし方③　■Cách tìm ③

・インターネットでさがす。

・Tìm kiếm trên Internet.

※全国のボランティア日本語教室情報（日本語）：B

※Thông tin toàn quốc về các lớp học tiếng Nhật tình nguyện (bằng tiếng Nhật): B

※東京都の日本語教室（多国語）：C

※Các lớp học tiếng Nhật ở Tokyo (đa ngôn ngữ): C

教室ごとにさまざまなスタイル

Mỗi lớp học có nhiều phong cách / phương thức khác nhau.

ベトナム人のAさんが通っていた東京都内の日本語教室は地元の小学校の教室で開かれていました。このため、日本語の授業は学校のない週末のみでした。また、市役所で開催されている教室もあり、そこでは平日にも授業がありました。

Lớp học tiếng Nhật mà anh/chị A người Việt Nam theo học ở Tokyo được tổ chức tại lớp học của trường tiểu học địa phương, vì vậy các tiết học chỉ diễn ra vào cuối tuần khi trường không có học. Ngoài ra, cũng có những lớp học được tổ chức tại tòa thị chính, nơi có cả các tiết học vào ngày thường.

このような地域の日本語教室の多くでは、日本語学校のように文法を重視するのではなく、コミュニケーション力の向上に力を入れています。

Ở nhiều lớp học tiếng Nhật tại địa phương như thế này, họ không tập trung quá nhiều vào ngữ pháp như ở trường tiếng Nhật, mà chú trọng nâng cao khả năng giao tiếp.

人数が少ない教室では、生徒側のニーズに沿ってレッスンを進める教室もあります。例えば、主婦に対しては、簡単な日常会話を教えることに多くの時間を割きます。また、日本語能力試験（JLPT）のN2・N3合格者にも会話が不得意な人がいますので、そういった人たちには日本語のみで会話する授業もあります。技能実習生の場合

は、とりあえず、JLPTやJFT－Basic の合格を目指して授業を行なうケースもよくあります。

Ở những lớp học có ít học sinh, cũng có những lớp tiến hành bài học theo nhu cầu của học viên. Ví dụ, đối với các bà nội trợ, họ dành nhiều thời gian để dạy những cuộc hội thoại hàng ngày đơn giản. Ngoài ra, ngay cả những người đã đậu JLPT N2 hoặc N3 cũng có người kém giao tiếp, nên với những người như vậy sẽ có các tiết học chỉ sử dụng tiếng Nhật để giao tiếp. Trong trường hợp thực tập sinh kỹ năng, thường có những lớp học nhắm tới việc thi đậu JLPT hoặc JFT-Basic trước tiên.

ボランティア日本語教室でさまざまな交流

Các hoạt động giao lưu đa dạng tại lớp học tiếng Nhật tình nguyện.

ボランティア日本語教室の先生方には 60 歳以上の人が多いです。小学校の元先生や専門学校の先生、日本語学校の先生などです。海外駐在を経験した人もいます。

Trong số các thầy cô dạy ở lớp tiếng Nhật tình nguyện, có nhiều người trên 60 tuổi. Họ gồm các thầy cô từng là giáo viên tiểu học, giáo viên trường chuyên môn, giáo viên trường dạy tiếng Nhật, v.v. Cũng có những người đã từng có kinh nghiệm công tác ở nước ngoài.

先生によっては、ときどきおやつを用意してくれることもあります。逆に生徒も自分の国のお菓子を持って行って先生にあげることがあります。Aさんの先生はスーパーマーケットでベトナムの食料を見かけて購入し、「ベトナムの食べ物をしばらく食べていないのでは？」と教室に持ってきてくれたこともあります。また、別の先生はベトナム人に人気の子ども用の絵本（日本語）をときどきくれました。地域のイベントに「いっしょに行こう」と誘ってくれる先生もいました。

Tùy từng thầy cô, thỉnh thoảng họ cũng chuẩn bị đồ ăn nhẹ cho học sinh. Ngược lại, học sinh cũng có khi mang bánh kẹo của nước mình đến tặng thầy cô. Thầy/cô của anh A có lần thấy thực phẩm Việt Nam được bán ở siêu thị nên đã mua và mang đến lớp, nói rằng: “Có phải dạo này bạn chưa ăn đồ ăn Việt Nam không?”. Ngoài ra, có thầy / cô khác thỉnh thoảng tặng những cuốn sách tranh dành cho trẻ em (bằng tiếng Nhật) được người Việt Nam yêu thích. Cũng có thầy / cô rủ học sinh: “Chúng ta cùng đi nhé”, và mời họ tham gia các sự kiện của địa phương.

また、教室によっては、クリスマス会や忘年会などのイベントを行なうケースもあります。教室の仲間で先生といっしょに地域のイベントに参加することもあります。

Ngoài ra, tùy từng lớp học, cũng có trường hợp tổ chức các sự kiện như tiệc Giáng sinh hay tiệc tất niên. Các học viên trong lớp đôi khi cũng cùng với thầy cô tham gia những sự kiện của địa phương.

■参考記事

地域のボランティア教室で会話力磨き、日本人の恋人と国際結婚（奈良県）

■ Bài tham khảo

Rèn luyện khả năng giao tiếp tại lớp tình nguyện ở địa phương, kết hôn quốc tế với bạn người Nhật (tỉnh Nara)

毎週末、ボランティア無料日本語教室で 2 時間勉強（栃木県）

Mỗi cuối tuần, học tiếng Nhật 2 tiếng tại lớp tiếng Nhật tình nguyện miễn phí (tỉnh Tochigi).

未来へつなげる大切なヒント

Những gợi ý quan trọng để kết nối tới tương lai

退去費用を払わないための宿舎・寮の正しい使い方

Cách sử dụng đúng ký túc xá/nhà ở tập thể để không phải trả chi phí khi dọn ra.

日本の宿舎や寮では、退去するときに部屋の状態を確認します。

部屋の使い方が悪かったり、汚れや破損が多かったりすると、修理や掃除の費用を「退去費用」として請求されることがありますので、普段から部屋をきれいに使うことがとても大切です。

余計なお金を払わないために、毎日の寮生活で特に気をつけてほしいポイントを確認しましょう。

Ở các khu nhà ở tập thể hoặc ký túc xá tại Nhật Bản, khi dọn ra sẽ kiểm tra tình trạng của phòng. Nếu cách sử dụng phòng không tốt, hoặc có nhiều vết bẩn hay hư hỏng, thì chi phí sửa chữa và vệ sinh có thể sẽ bị yêu cầu thanh toán dưới dạng “chi phí khi dọn ra”. Vì vậy, việc sử dụng phòng sạch sẽ hằng ngày là rất quan trọng.

Để không phải trả những khoản tiền không cần thiết, hãy cùng kiểm tra những điểm đặc biệt cần chú ý trong sinh hoạt ký túc xá hằng ngày.

部屋をきれいに保つためのポイント

Những điểm cần lưu ý để giữ phòng luôn sạch sẽ.

・毎日こまめに掃除をする

・Dọn dẹp thường xuyên mỗi ngày.

床にごみや髪の毛をためないように、できれば毎日掃除機やほうきで掃除をしてください。汚れを長い間そのままにすると落ちにくくなり、特別な清掃が必要になることがあります。

Để không để rác hoặc tóc tích tụ trên sàn, nếu có thể hãy hút bụi hoặc quét nhà mỗi ngày. Nếu để vết bẩn lâu, chúng sẽ khó làm sạch và có thể cần phải vệ sinh đặc biệt.

・水回りを清潔に使う

・Sử dụng khu vực nước (bồn rửa, nhà tắm, toilet) một cách sạch sẽ.

キッチン、トイレ、シャワー室は特に汚れやすい場所です。使ったあとは水分をふき取り、汚れがあればその日のうちに落とすようにしましょう。排水口に食べ物や髪の毛をためると、つまって修理が必要になることがあります。これも退去費用の原因になりやすいので注意してください。

Nhà bếp, nhà vệ sinh và phòng tắm là những nơi dễ bị bẩn nhất. Sau khi sử dụng, hãy lau khô các vết ẩm và nếu có vết bẩn thì nên làm sạch trong ngày.Nếu để thức ăn hay tóc tích tụ trong cống, sẽ gây tắc và cần sửa chữa. Điều này cũng dễ trở thành nguyên nhân phát sinh “chi phí khi dọn ra”, nên cần chú ý.

・壁・床・ドアを傷つけない

・Không làm trầy xước tường, sàn và cửa.

テープやくぎでポスターや飾りをつけると、はがしたときに跡が残りますので、どうしてもつけたい場合は跡が残らない方法を考えましょう。家具を動かすときは、床を引きずらないように気をつけてください。大きな傷やへこみがある場合、修理費用が高額になる可能性があります。

Nếu dán poster hoặc vật trang trí bằng băng keo hoặc đinh, khi gỡ ra sẽ để lại vết. Nếu thật sự muốn dán, hãy tìm cách không để lại dấu vết. Khi di chuyển đồ đạc, hãy cẩn thận để không kéo lê trên sàn. Nếu có vết xước hoặc lõm lớn, chi phí sửa chữa có thể rất cao.

・においに注意する

・Chú ý đến mùi hôi.

部屋で料理をしたあとは、必ず換気をしてください。食べ物を部屋に放置せず、ごみは決められた日に出しましょう。強いにおいやカビが残ると、特別な消臭や清掃が必要になります。

Sau khi nấu ăn trong phòng, hãy luôn mở cửa sổ hoặc thông gió. Không để thức ăn trong phòng và hãy bỏ rác vào đúng ngày quy định. Nếu mùi mạnh hoặc nấm mốc còn lại, sẽ cần thực hiện khử mùi hoặc vệ sinh đặc biệt.

設備トラブルが起きたときは

Khi gặp sự cố thiết bị.

設備がこわれた場合や、水もれなどのトラブルが起きたときは、すぐに組合や寮の管理人に連絡してください。

早く対応すれば小さな修理ですみ、費用も最小限に抑えられるかもしれません。黙って使い続けると被害が大きくなり、その分修理費用も高くなる可能性がありますので気を付けてください。

Khi thiết bị bị hỏng hoặc có sự cố như rò rỉ nước, hãy ngay lập tức liên hệ với ban quản lý hoặc người quản lý ký túc xá.

Nếu xử lý sớm, có thể chỉ cần sửa chữa nhỏ và chi phí sẽ được giữ ở mức tối thiểu. Nếu tiếp tục sử dụng mà không báo, hư hỏng sẽ nặng hơn và chi phí sửa chữa cũng có thể tăng lên, nên cần chú ý.

まとめ　Tổng kết

毎日の少しの心がけで、部屋はきれいに保つことができます。

部屋を大切に使えば、退去するときに余計なお金を払う必要はありません。

次に使う人のためにも、そして皆さん自身のためにも、ルールを守って宿舎・寮を大切に使いましょう。

Chỉ với một chút lưu ý mỗi ngày, bạn có thể giữ phòng luôn sạch sẽ.

Nếu sử dụng phòng cẩn thận, khi dọn ra sẽ không cần phải trả thêm chi phí nào.

Hãy tuân thủ quy định và giữ gìn ký túc xá/nhà ở, vừa vì người tiếp theo sử dụng, vừa vì chính bản thân bạn.

日本語学習攻略法

Phương pháp học tiếng Nhật:

今月のテーマ

Chủ đề của tháng này

忙しい人ほど伸びる、日本語の勉強法

Phương pháp học tiếng Nhật

Càng bận rộn lại càng tiến bộ nhanh

「日本語の勉強をする時間がない」と感じていませんか。実は、勉強時間を長く作らなくても日本語を上達させることはできるのです。鍵は、生活の中に日本語を取り入れること。今日から考え方を少し変えるだけで、日本語の伸び方は大きく変わります。

Bạn có đang cảm thấy mình ″không có thời gian để học tiếng Nhật″ không? Thực tế, không nhất thiết phải dành ra những khoảng thời gian học thật dài mới có thể giỏi tiếng Nhật. Chìa khóa nằm ở việc đưa tiếng Nhật vào cuộc sống hàng ngày. Chỉ cần thay đổi cách tư duy một chút từ hôm nay, tốc độ tiến bộ của bạn sẽ thay đổi đáng kể.

日本語は、机に向かって覚えるものだと思われがちですが、それだけではありません。

Mọi người thường nghĩ tiếng Nhật là thứ phải ngồi vào bàn mới học được, nhưng không chỉ có vậy.

実際に上達している人は、通勤中、作業中、休憩中といった「何もしていない時間」を使っています。現場で分からない言葉を聞いたら、そのままにせず、母国語で音だけメモします。正しい書き方は分からなくて構いません。あとで辞書を引き、「ああ、あのときの言葉だ」と思い出すことが大切です。この「聞く→メモする→調べる」という流れを繰り返すと、言葉は自然に頭に残ります。長い勉強時間は必要ありません。

Những người thực sự tiến bộ nhanh thường tận dụng những ″khoảng thời gian trống″ như khi đang đi làm, đang làm việc hay lúc nghỉ ngơi.

Khi nghe thấy một từ vựng không hiểu tại nơi làm việc, đừng bỏ qua mà hãy ghi chú lại âm thanh đó bằng ngôn ngữ mẹ đẻ. Bạn không cần biết cách viết đúng cũng không sao. Điều quan trọng là sau đó hãy tra từ điển và nhận ra: ″À, hóa ra là từ lúc nãy″. Việc lặp đi lặp lại quy trình ″Nghe → Ghi chú → Tra cứu″ sẽ giúp từ vựng tự nhiên in sâu vào trí nhớ. Bạn không cần những buổi học kéo dài hàng tiếng đồng hồ.

明日からやってみよう Hãy thử ngay từ ngày mai

①分からない日本語を1つメモする

仕事中や通勤中に聞いた言葉を、母国語で音だけ書けばOK。

①Ghi chú lại một từ tiếng Nhật chưa biết: Chỉ cần viết lại âm thanh bạn nghe được bằng ngôn ngữ mẹ đẻ khi đang làm việc hoặc trên đường đi làm.

②家に帰ったら意味を調べる ②Tra ý nghĩa khi về nhà.

③次の日、同じ言葉を思い出す ③Nhớ lại từ đó vào ngày hôm sau.

この3つを毎日1回。それだけで、日本語は確実にあなたの力になるはずです。

Chỉ cần thực hiện 3 bước này mỗi ngày một lần. Chắc chắn bấy nhiêu đó thôi cũng đủ để biến tiếng Nhật thực sự trở thành năng lực của bạn.

めざせキャリアアップ！

特定技能生に聞く日本で成功するコツ

HƯỚNG TỚI NÂNG CAO SỰ NGHIỆP!

Lắng nghe chia sẻ từ lao động Kỹ năng đặc định: Bí quyết thành công tại Nhật Bản

Q1. 自己紹介をお願いします

Q1. Bạn hãy giới thiệu về bản thân

こんにちは。私はグエン ヴァン タオと申します。ベトナムから来ました。6年前に自動車整備の技能実習生として来日しました。3年間の実習を終えた後、技能試験に合格し、現在は特定技能として働いています。今は自動車整備工場に勤務しています。

Chào mọi người. Tôi tên Thao, đến từ Việt Nam. Tôi sang Nhật từ 6 năm trước theo diện Thực tập sinh kỹ năng ngành bảo dưỡng ô tô. Sau khi hoàn thành 3 năm thực tập, tôi đã đỗ kỳ thi kỹ năng để chuyển sang visa Kỹ năng đặc định (Tokutei Gino). Hiện tại tôi đang làm việc tại một xưởng bảo dưỡng ô tô

Q2. 日本はどのような国だと思いますか？

Q2. Bạn thấy Nhật Bản là đất nước như thế nào?

私にとって、日本は非常に規律正しく、安全で清潔な国です。日本の方々は仕事に対してとても真面目ですが、困っている時には親身になって助けてくれます。特に科学技術、なかでも自動車産業は世界トップレベルなので、毎日多くのことを学べる素晴らしい環境だと思っています。

Đối với tôi, Nhật Bản là một đất nước rất kỷ luật, an toàn và sạch sẽ. Con người Nhật Bản rất nghiêm túc trong công việc nhưng cũng rất sẵn lòng giúp đỡ khi mình gặp khó khăn. Đặc biệt, đây là nơi có nền khoa học kỹ thuật vô cùng phát triển, nhất là ngành ô tô, nên tôi học hỏi được rất nhiều điều mỗi ngày.

Q3. 仕事で頑張り続ける動機は何ですか？

Q3. Điều gì là động lực giúp bạn luôn luôn cố gắng trong công việc?

一番の大きなモチベーションは、母国の家族と自分自身の将来です。ベトナムの両親に仕送りをして助けたい、そして自分自身の貯金も蓄えたいと思っています。また、最

新の車を自分の手で修理できるような「一流の整備士」になりたいという強い気持ちが、私を突き動かしています。

Động lực lớn nhất của tôi là gia đình ở quê nhà và tương lai của bản thân. Tôi muốn gửi tiền về giúp đỡ bố mẹ và tích lũy vốn cho riêng mình. Bên cạnh đó, khao khát được trở thành một người thợ giỏi, có thể tự tay sửa chữa những chiếc xe hiện đại cũng là điều thôi thúc tôi cố gắng không ngừng.

Q4. 日本に来てから、自分自身どのように変わったと感じますか？

Q4. Bạn thấy mình đã thay đổi như thế nào sau khi tới Nhật?

以前よりもずっと大人になり、自立できたと感じています。来日前は技術について何も知りませんでしたが、今は専門知識を身につけることができました。また、自動車整備は一つのミスがお客様の命に関わるため、以前よりも慎重に、責任感を持って行動できるようになりました。

Tôi thấy mình trưởng thành và tự lập hơn rất nhiều. Từ một người chưa biết gì về kỹ thuật, nay tôi đã có kiến thức chuyên môn. Tính cách của tôi cũng trở nên cẩn thận và có trách nhiệm hơn, vì trong ngành bảo dưỡng ô tô, chỉ một lỗi nhỏ cũng có thể gây nguy hiểm cho khách hàng.

Q5. 日本に来た時の困難と、それをどう乗り越えたか教えてください

Q5. Khi tới Nhật bạn gặp khó khăn gì, và bạn đã vượt qua nó như thế nào?

最初は言葉の壁とホームシックが一番辛かったです。上司の指示が理解できず、プレッシャーを感じることもありました。それを乗り越えるために、わからない時はすぐに「すみません」と言って聞き直すこと、新しい単語をメモ帳に書き留めること、そして家族に電話をして元気をもらうようにしていました。

Khó khăn lớn nhất ban đầu là rào cản ngôn ngữ và nỗi nhớ nhà. Có những lúc tôi không hiểu chỉ thị của cấp trên nên rất áp lực. Tôi đã vượt qua bằng cách: chủ động hỏi lại ″Sumimasen″ mỗi khi chưa rõ, ghi chép từ mới vào sổ tay, và gọi điện về cho gia đình mỗi tối để tiếp thêm động lực.

Q6. 特定技能2号への挑戦は、あなたのキャリアをどう変えますか？

Q6. Việc hướng đến Kỹ năng đặc định loại 2 sẽ thay đổi sự nghiệp và cuộc sống của bạn như thế nào?

もし「特定技能2号」になれたら、私の人生は新しいステージに進むことができます。

キャリアでは「熟練した技能者」として認められ、昇進や昇給のチャンスが増えます。

Nếu đạt được Tokutei Gino số 2, cuộc đời tôi sẽ bước sang trang mới: Sự nghiệp: Tôi sẽ được công nhận là thợ lành nghề , có cơ hội thăng tiến và lương cao hơn.

Q7. 他の実習生へのメッセージをお願いします

Q7. Bạn có điều gì muốn gửi tới các bạn thực tập sinh khác đang làm việc tại Nhật không?

「決して諦めないでください！」と伝えたいです。実習生の生活は大変なことも多いですが、明確な目標を持ち、一生懸命日本語を勉強すれば、必ずチャンスは広がります。ただロボットのように働くのではなく、「なぜこの作業が必要なのか」を考えながら取り組むと、腕がもっと上がりますよ。

Tôi muốn nhắn nhủ rằng: ″Đừng bao giờ bỏ cuộc!″. Cuộc sống thực tập sinh có thể vất vả, nhưng nếu bạn có mục tiêu rõ ràng và chăm chỉ học tiếng Nhật, cơ hội sẽ mở rộng. Đừng chỉ làm việc như một cái máy, hãy tìm hiểu ″tại sao″ mình phải làm như vậy để nâng cao tay nghề nhé.